TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Cương

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị TN, sinh năm 1996. HKTT: ấp XĐ, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ cư trú: ấp NH, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh PC- Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang *(có mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Phan HP, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp XĐ, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2017, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị TN trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh HP cưới nhau năm 2013, sau khi cưới anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH A, huyện An Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống anh HP thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, không lo làm việc để kiếm tiền nuôi sống gia đình, có lúc anh còn chửi chị và hâm dọa sẽ đánh chị. Chị đã có gắng chịu đựng để anh HP sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi, vì vậy đã ly thân từ tháng 8/2017 âm lịch cho đến nay.

Vợ chồng có một đứa con chung tên Phan Nguyễn TP, sinh ngày 20/7/2014 hiện đang sống với chị TN.

Chị TN khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh HP; yêu cầu được nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, yêu cầu anh HP cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi (tại phiên tòa chị TN xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con); về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/3/2018 bị đơn anh Phan HP trình bày:* Về thời gian anh và chị TN cưới nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐH A cấp giấy chứng nhận kết hôn; vợ chồng có 01 đứa con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con; tài sản chung của vợ chồng; vợ chồng không nợ ai là đúng theo ý kiến chị TN trình bày.

Nay theo yêu cầu của chị TN anh có ý kiến như sau: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị TN, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Phan Nguyễn TP, sinh ngày 20/7/2014 sau khi ly hôn, không yêu cầu chị TN cấp dưỡng nuôi con cùng anh, về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị TN là ông Huỳnh PC trình bày: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị TN ly hôn với anh HP. Lý do: trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, ly thân kéo dài nhưng không hàn gắn được, anh HP chỉ nại ra còn thương vợ không đồng ý ly hôn nhưng không trực tiếp hòa giải với chị TN. Cho thấy mâu thuẫn các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Về con đề nghị giao cho chị TN nuôi dưỡng, anh

HP không phải cấp dưỡng nuôi con do chị TN không yêu cầu anh HP cùng cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị TN ly hôn với anh HP; về con giao cho chị TN trực tiếp nuôi dưỡng, anh HP không phải cấp dưỡng nuôi con do chị TN không yêu cầu; về tài sản không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh HP đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh HP vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh HP.

[2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh HP không có ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Khi Tòa án tiến hành lấy lời khai thì anh HP có nêu ý kiến không đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi con. Khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do anh HP phản đối yêu cầu của chị TN nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nên HĐXX căn cứ vào các chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị TN và anh HP cưới nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được Uỷ ban nhân dân xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (là nơi một trong hai người cư trú lúc đó) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2016 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị TN với anh HP thấy rằng, trong quá trình chung sống chị TN và anh HP phát sinh mâu thuẩn và ly thân nhau vào tháng 8/2017al. Qua xác minh tại nơi cư trú cho thấy mâu thuẩn của anh, chị không lớn. Tuy nhiên, thấy rằng anh, chị đã ly thân trong một thời gian dài nhưng các bên vẫn không hàn gắn được; khi Tòa án thống báo về yêu cầu ly hôn của chị TN anh HP không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh HP vắng mặt không tham dự. Việc anh HP không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Bên cạnh đó cũng cho thấy ý kiến phản đối của anh HP không nhằm thiện chí hòa giải, hàn gắn với chị TN. Từ đó, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị TN được ly hôn với anh HP.

[5] Về quan hệ nuôi con chung: Chị TN và anh HP có 01 đứa con chung tên Phan Nguyễn TP, sinh ngày 20/7/2014, hiện nay chị TN đang nuôi dưỡng. Chị TN và anh HP đều có nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*". Thấy rằng cháu TP còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, đang được chị TN trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua chị TN nuôi dưỡng con tốt, anh HP không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để phản đối yêu cầu nuôi con của chị TN nên HĐXX quyết định giao con chung cho chị TN trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa chị TN xác định không yêu cầu anh HP cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về quan hệ tài sản chung: Chị TN và anh HP không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của anh chị, nên HĐXX không xem xét đến.

[8] Về quan hệ nợ chung: Chị TN và anh HP thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[9] Về án phí: Chị TN là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị TN với anh Phan HP.

2- Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Nguyễn TP, sinh ngày 20/7/2014 cho chị Nguyễn Thị TN trực tiếp nuôi dưỡng. Anh HP không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị TN phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0008496 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị TN đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị TN, vắng mặt bị đơn anh Phan HP. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-4-2018); bị đơn biết có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã ĐH A;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công